TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 89/2018/QĐST - HNGĐ

T , ngày 21 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2018/ TLST-HNGĐ ngày 26/02/2018

Giữa: Chị Trịnh Thị H; Sinh năm: 1991

Và anh Lê Văn C; Sinh năm: 1987

Đều trú tại: Thôn 8 xã T, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/4/2018/2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trịnh Thị H và anh Lê Văn C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Lê Văn C đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung

- Cháu Lê Thị Phương T, sinh ngày 25/11/2010;

- Cháu Lê Gia H, sinh ngày 19/4/2014.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Phương T, sinh ngày 25/11/2010.

Anh Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Gia H, sinh ngày 19/4/2014.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở

*Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết .

* Về án phí: Hai bên thống nhất thoả thuận:

Chị Trịnh Thị H chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0000798 ngày 26/02/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh T
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng